

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05-02-2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- LÀO CAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Đạo;
2. Bà Bồ Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thu Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Lào Cai tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc: “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn H; sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Lào Cai; có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Lào Cai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 12 năm 2025 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị U trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 3 năm 1998, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái (nay là xã L, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn, anh và chị Nguyễn Thị U chung sống cùng nhau tại thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái nay là thôn N, xã L, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, chị U thường đi làm ăn xa thi thoảng mới về gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị U.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị U có hai người con chung Trần

Phương N, sinh ngày 09/01/1999 và Trần Thị X, sinh ngày 23/10/2006, cháu N và cháu X đã thành niên, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Trần Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Trần Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 09 tháng 01 năm 2026 (bút lục số 32) trưởng thôn N, xã L, tỉnh Lào Cai cho biết: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị U có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái năm 1998 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh H và chị U chung sống tại thôn N, xã L. Chị U thường đi làm ăn xa ít có mặt ở gia đình, cụ thể mâu thuẫn giữa anh H và chị U như thế nào trưởng thôn không rõ. Anh H xin ly hôn chị U đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: Anh H và chị U có hai người con chung Trần Phương N, sinh ngày 09/01/1999 và Trần Thị X, sinh ngày 23/10/2006, các cháu đã thành niên và đi làm. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị U có hay không trưởng thôn không rõ.

Tại bản tự khai ngày 20/01/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị U trình bày:

Chị và anh Trần Văn H trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái ngày 06/3/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn N, xã L nay là xã L, quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nay chị U xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng chị không đồng ý ly hôn vì tài sản chung của vợ chồng chưa chia. Tuy nhiên cả chị và anh H không ai yêu cầu Tòa án chia tài sản nên chị không đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị U và anh Trần Văn H có hai người con chung Trần Phương N, sinh ngày 09/01/1999 và Trần Thị X, sinh ngày 23/10/2006, cháu N và cháu X đã thành niên, chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hoà giải, anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị U đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể khắc phục được mâu thuẫn nhưng vì tài sản chung của vợ chồng chưa chia nên chị U không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H; anh Trần Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị U; Về con chung: Có hai con chung Trần Phương N, sinh ngày 09/01/1999 và Trần Thị X, sinh ngày 23/10/2006, cháu N và cháu X đã thành niên, anh H và chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Trần Văn H phải chịu án phí về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Chị Nguyễn Thị U có thường trú tại xã L, tỉnh Lào Cai. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị U kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 3 năm 1998, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị U là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị U bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2018 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cả anh H và chị U đều xác định muốn thuận vợ chồng không thể khắc phục được, anh H và chị U đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên chị U không đồng ý ly hôn vì cho rằng tài sản chung chưa chia, nhưng cả anh H và chị U đều không yêu cầu chia tài sản trong vụ án này. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn H.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị U và anh Trần Văn H có hai người con chung Trần Phương N, sinh ngày 09/01/1999 và Trần Thị X, sinh ngày 23/10/2006, cháu N và cháu X đã thành niên. Anh H và chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh Trần Văn H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị U.

2. Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Trần Văn H đã nộp theo biên lai số 0002315 ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận anh Trần Văn H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn H, chị Nguyễn Thị U có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 3 - Lào Cai;
- Phòng Thi hành án dân sự KV 3 - Lào Cai;
- UBND xã L – Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương